

DANH SÁCH THU TIỀN

Đợt 1 tháng 11/2025 - Lớp: C 1

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Thông tin khác	Bán trú		Tiền ăn bán trú			Sữa học đường			Tổng số tiền của đợt	Tiền thừa được trừ	Số đã thu của đợt	Số còn phải thu	Ghi chú
				SL	Thành tiền	Đăng ký	Tồn sd	Số tiền	Đăng ký	Tồn sd	Số tiền					
1	NAN011901050	Nguyễn Đình Tiến Đạt		1	110.000	14		280.000				390.000			390.000	
2	NAN011901051	Nguyễn Thế Bảo Duy		1	110.000	16		320.000	15		81.000	511.000			511.000	
3	NAN011901052	Nguyễn Thế Minh Hào		1	110.000	16		320.000	15		81.000	511.000			511.000	
4	NAN011901053	Nguyễn Tuấn Hưng		1	110.000	8		160.000	8		43.200	313.200			313.200	
5	NAN011901054	Nguyễn Xuân Gia Khánh		1	110.000	9		180.000	10		54.000	344.000			344.000	
6	NAN011901055	Nguyễn Văn Minh Khôi		1	110.000	15		300.000	16		86.400	496.400			496.400	
7	NAN011901056	Nguyễn Trần Tuệ Lâm		1	110.000	16		320.000	14		75.600	505.600			505.600	
8	NAN011901057	Phạm Văn Mạnh		1	110.000	16		320.000	15		81.000	511.000			511.000	
9	NAN011901058	Nguyễn Thế Minh		1	110.000	16		320.000	16		86.400	516.400			516.400	
10	NAN011901059	Nguyễn Thị Bích Ngọc		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
11	NAN011901060	Nguyễn Bảo Ngọc		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
12	NAN011901061	Nguyễn Tuệ Nhi		1	110.000	9		180.000	11			290.000			290.000	
13	NAN011901062	Nguyễn Thế Phi		1	110.000	16		320.000	15		81.000	511.000			511.000	
14	NAN011901063	Trần Quang Phong		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
15	NAN011901064	Đặng Hữu Phúc		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
16	NAN011901065	Nguyễn Văn Minh Quân		1	110.000	15		300.000	15		81.000	491.000			491.000	

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Thông tin khác	Bán trú		Tiền ăn bán trú			Sữa học đường			Tổng số tiền của đợt	Tiền thừa được trừ	Số đã thu của đợt	Số còn phải thu	Ghi chú
				SL	Thành tiền	Đăng ký	Tồn sd	Số tiền	Đăng ký	Tồn sd	Số tiền					
17	NAN011901066	Nguyễn Phương Thảo		1	110.000	9		180.000	9		48.600	338.600			338.600	
18	NAN011901067	Nguyễn Hữu Phúc Thịnh		1	110.000	12		240.000	3		16.200	366.200			366.200	
19	NAN011901068	Nguyễn Trọng Trung		1	110.000	16		320.000	16		86.400	516.400			516.400	
20	NAN011901069	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn		1	110.000	9		180.000	11		59.400	349.400			349.400	
21	NAN011901070	Nguyễn Hữu Anh Vũ		1	110.000	13		260.000	10		54.000	424.000			424.000	
22	NAN011901071	Nguyễn Phi Gia Vỹ		1	110.000	16		320.000	6		32.400	462.400			462.400	
23	NAN011901072	Chu Minh Khôi		1	110.000	12		240.000	14		75.600	425.600			425.600	
24	NAN011901073	Nguyễn Hải Yến		1	110.000	16		320.000	16		86.400	516.400			516.400	
Tổng cộng				24	2.640.000	337		6.740.000	299		1.555.200	10.935.200			10.935.200	

Bằng chữ:

....., Ngày tháng năm

Ban Giám Hiệu

Người lập biểu